

Số: 02 /CK-MNATT

Tân Thanh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

**CÔNG KHAI THEO THÔNG TƯ 09/2024-BGDĐT NGÀY 03 THÁNG 6  
NĂM 2024 CỦA BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO  
Năm học: 2025-2026**

Trường Mầm non A Tân Thanh công khai trong trường học cuối năm học 2025-2026 như sau:

**NỘI DUNG CÔNG KHAI**

**I. Thông tin chung**

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non A Tân Thanh

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Lã, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình.

Thư điện tử: [tmnatanthanh.xatanthanh@ninhbinh.gov.vn](mailto:tmnatanthanh.xatanthanh@ninhbinh.gov.vn)

Trang Website: <http://c0atanthanh.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tính cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà đó gia đình trẻ sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp cho

các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 3- 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

#### 5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non A Tân Thanh là một trường mầm non thuộc xã nghèo sáp nhập thành xã Tân Thanh năm 2020, đến tháng 7/2025 là Trường mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình. Thu nhập của người dân chủ yếu là nông nghiệp. Trường được thành lập ngày 05 tháng 10 năm 1998. Sau khi thành lập trường thuộc loại hình trường mầm non dân lập, được chuyển đổi sang loại hình trường mầm non bán công năm 2002 theo Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2002 và được chuyển đổi sang trường mầm non công lập năm 2012 theo Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Hà Nam, nay là Trường mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường có 1 điểm trường với tổng diện tích 3737 m<sup>2</sup> gắn liền với sự phân bố dân cư trong xã, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Nhà trường đạt kiểm định Chất lượng giáo dục cấp độ 3, Quyết định số 1942/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2021.

Nhà trường đạt chuẩn quốc gia cấp Mức độ 2 Quyết định số 1905/QĐ-

UBND ngày 05/11/2021.

Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025. Cuối năm học 2025-2026 nhà trường đề nghị các cấp công nhận Tập thể lao động xuất sắc, giấy khen của Giám đốc Sở giáo dục đào tạo Ninh Bình.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường mầm non A Tân Thanh luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm học.

#### 6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Lành

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: trường mầm non A xã Tân Thanh, thôn Lã, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 0966 955 025

Email: [ntmlanh75C0tl@hanam.edu.vn](mailto:ntmlanh75C0tl@hanam.edu.vn)

#### 7. Tổ chức bộ máy

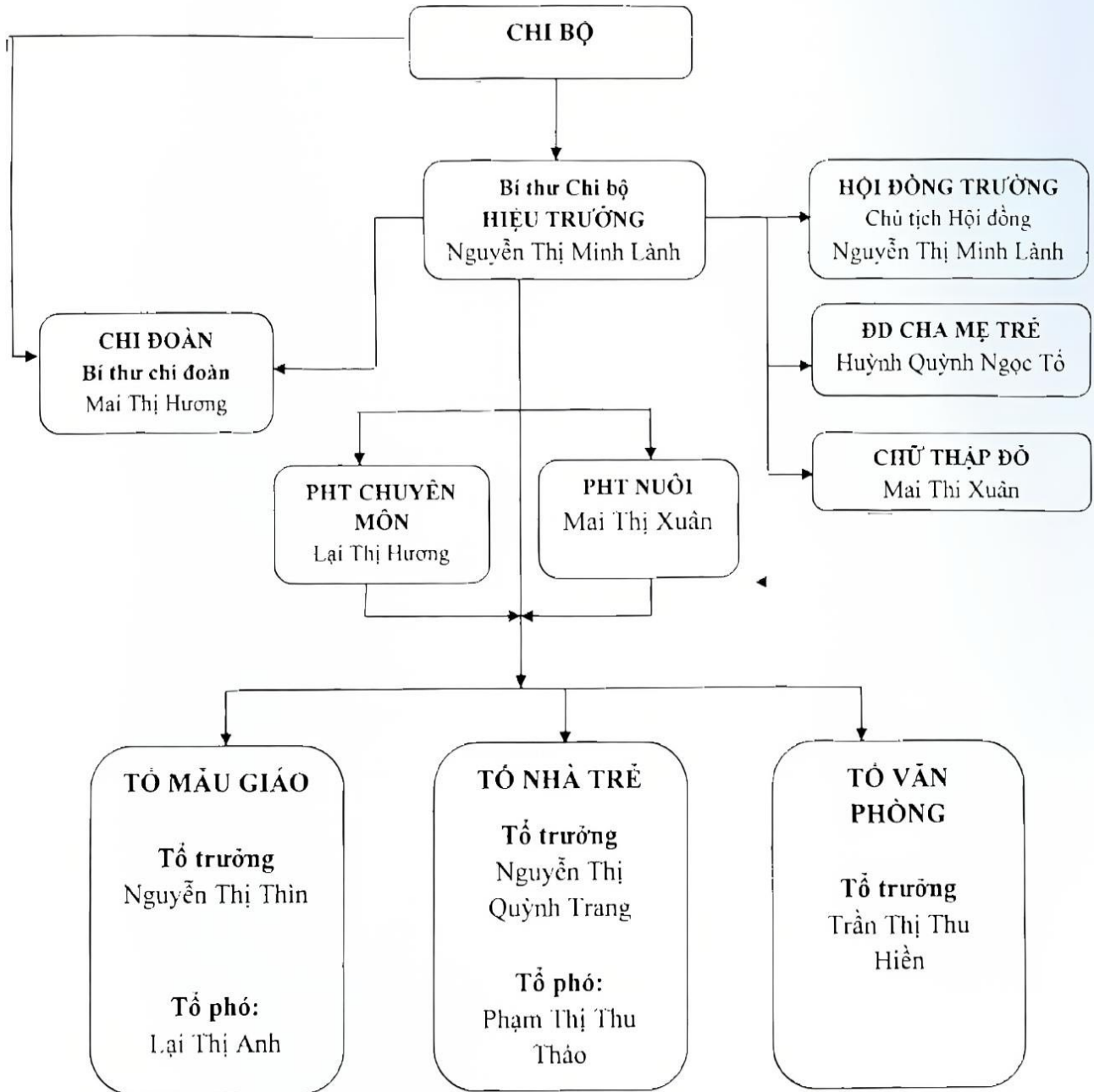
Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình.

Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh tiếp nhận và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Minh Lành - sinh năm 1975, giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình.

Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh về bổ nhiệm bà Mai Thị Xuân - Sinh năm 1972 Phó hiệu trưởng trường Mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 05/8/2025.

Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh về bổ nhiệm bà Lại Thị Hương - Sinh năm 1980 Phó hiệu trưởng trường Mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Mầm non A Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Ninh Bình kể từ ngày 27/8/2025.

### Sơ đồ bộ máy nhà trường



## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, và nhân viên

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC
	<b>Tổng số GV, CBQL và NV</b>	<b>29</b>			<b>13</b>	<b>11</b>	
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>20</b>			9	11	
1	Nhà trẻ	6			2	4	
2	Mẫu giáo	14			7	7	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>		<b>0</b>	<b>3</b>		
1	Hiệu trưởng	1		0	1		
2	P hiệu trưởng	2			2		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>					
1	NV văn thư	0					
2	NV kế toán	1			1		
3	Thủ quỹ	0					
4	Nhân viên y tế	1					1
5	Nhân viên khác	4					1

### 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
1	<b>Cán bộ quản lý</b>		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	<b>Giáo viên</b>	20	20
	Tỷ lệ	100%	100%

### 3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026
1	<b>Cán bộ quản lý</b>		
	Số lượng	3	3
	Tỷ lệ	100%	100%
2	<b>Giáo viên</b>	20	20
	Tỷ lệ	100%	100%

## III. Cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Yêu cầu theo quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	3737 m <sup>2</sup>	3737 m <sup>2</sup>	
	Điểm trường	1	1	
	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ	15,5	15,7	
2	Số lượng hạng mục thuộc các khối phòng			
2.1	Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc trẻ			
	Phòng học Nuôi Dạy chăm sóc trẻ	10	10	
	Phòng vệ sinh	16	16	
	Phòng ngủ	0	0	
	Phòng khác	0	0	
2.2	Khối phòng phục vụ học tập			
	Thư viện	1	1	
	Phòng thể chất	1	1	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1	
	Phòng khác	0	0	
2.3	Khối phòng tổ chức ăn			
	Nhà bếp	1	1	
	Nhà kho	1	1	
	Phòng khác	0	0	
2.4	Khối phòng hành chính, quản trị			
	Phòng hiệu trưởng	1	1	
	Phòng P hiệu trưởng	2	2	
	Văn phòng trường	1	1	
	Phòng họp	1	1	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	
	Phòng bảo vệ	1	1	
	Phòng y tế	1	1	
	Phòng truyền thông	0	0	
	Phòng nhân viên	1	1	
	Phòng khác	0	0	

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Năm học 2025- 2026	Yêu cầu theo quy định
2.5	Khởi công trình công cộng			
	Nhà xe giáo viên	2	2	
	Phòng khác	0	0	
3	Số lượng đồ chơi ngoài trời	20	20	
4	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
5	Ti vi	12	12	
	Nhạc cụ	0	0	
	Máy phô tô	0	0	
	Đầu đĩa	0	0	
	Máy vi tính cây	4	4	
	Máy vi tính sách tay	4	4	

#### IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

1. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Kết quả tự đánh giá

Trường mầm non A Tân Thanh tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

- Kết quả đánh giá và công nhận

Nhà trường đạt kiểm định Chất lượng giáo dục cấp độ 3, Quyết định số 1942/QĐ-SGDĐT ngày 03/11/2021.

Nhà trường đạt chuẩn quốc gia cấp Mức độ 2 Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 05/11/2021.

#### V. Kết quả hoạt động giáo dục

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>	237		29	55	40	56	57
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							

3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	237		29	55	40	56	57
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	237		29	55	40	56	57
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	237		29	55	40	56	57
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	237		29	55	40	56	57
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	236		29	55	40	55	57
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1			0	0	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	236		29	55	40	55	57
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1			0	0	0	0
8	Số trẻ thừa cân béo phì	1	0	0	0	0	1	0
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình CSGD</b>							
a	Chương trình giáo dục nhà trẻ	84		29	55			
b	Chương trình giáo dục mẫu giáo	153				40	55	57

## VI. Kết quả tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

*ĐVT: Nghìn đồng*

STT	Tên nguồn thu	Kết quả thực hiện năm 2024	Kết quả thực hiện năm 2025	Tỷ lệ năm 2025 so với năm trước
1	Nguồn NSNN cấp	3.783.513	4.750.180	125,55%
2	Nguồn thu học phí và cấp bù, hỗ trợ học phí	735.645	281.185	38,22%
3	Thu dịch vụ, thoả thuận	1.096.206	1.305.737	119,11%
<b>Tổng</b>		<b>5.615.364</b>	<b>6.337.102</b>	<b>282,89%</b>

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua

sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (cấp bù học phí, hỗ trợ tiền ăn trưa, chi phí học tập,...); chi khác.

ĐVT: Nghìn đồng.

STT	Nội dung chi	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ năm 2025 so với năm trước
1	Chi cho con người (lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp)	3.584.030	3.962.614	110,56%
2	Chi hoạt động chuyên môn	13.842	7.823	56,52%
3	Chi hàng hóa dịch vụ	231.630	147.217	63,56%
4	Chi thuê mướn lao động	26.400	26.400	100,00%
5	Chi sửa chữa, mua sắm	159.949	171.303	107,10%
6	Chi các khoản khác	355.400	149.233	41,99%
7	Chi tiền thưởng theo NĐ73	113.837	226.448,6	198,92%
8	Chi hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập	10.790	7.000	64,87%
9	Chi từ nguồn học phí	712.366	281.185	39,47%
10	Chi các khoản thu dịch vụ, thỏa thuận	1.096.206	1.305.737	119,11%
<b>Tổng</b>		<b>6.304.450</b>	<b>6.284.961</b>	<b>902,11%</b>

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học bao gồm học phí, các khoản thu dịch vụ phụ vụ, hỗ trợ giáo dục đối với người học năm học 2025 – 2026

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	MỨC THU
<b>I</b>	<b>HỌC PHÍ</b>	
	Trẻ miễn học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.	
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC</b>	
1	Dịch vụ tiền ăn bán trú	22.000đ/trẻ/ngày

STT	NỘI DUNG CÁC KHOẢN THU	MỨC THU
2	Chất đốt	22.000đ/trẻ/tháng
3	Dịch vụ chăm sóc trẻ buổi trưa (Trực trưa)	5.000đ/trẻ/ngày
4	Dịch vụ thuê khoán người nấu ăn	80.000đ/trẻ/tháng
5	Dịch vụ vệ sinh	20.000đ/trẻ/tháng
6	Dịch vụ nước uống	5.000đ/trẻ/tháng
7	Mua sắm dụng cụ phục vụ nấu ăn ....	50.000đ/trẻ/năm
8	Học liệu	
	- Trẻ 5 tuổi	350.000đ/trẻ/năm
	- Trẻ 4 tuổi	300.000đ/trẻ/năm
	- Trẻ 3 tuổi	280.000đ/trẻ/năm
	- Trẻ nhà trẻ	250.000đ/trẻ/năm
9	Làm quen Tiếng Anh	8.000đ/trẻ/tiết

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập với người học.

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của chính phủ Quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/06/2025 của quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Nhà trường lập kế hoạch, thông tin đến toàn bộ học sinh, phụ huynh học sinh về các chế độ, chính sách có liên quan đến học sinh tại đơn vị như: Hỗ trợ ăn trưa, chi phí học tập để thực hiện, qua nhiều năm thực hiện đã mang lại kết quả cao, hỗ trợ tốt cho việc học tập của học sinh:

*ĐVT: nghìn đồng*

STT	Nội dung	Năm 2024 -2025		Năm 2025 -2026		Tỷ lệ năm 2025 so với năm trước
		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	
1	Đối tượng hộ nghèo	1	600	0		0%
2	Đối tượng hộ cận nghèo	4	6.400	4	7.780	121,56%
<b>Tổng</b>		<b>5</b>	<b>7.000</b>	<b>4</b>	<b>7.780</b>	<b>121,56%</b>

## 4. Số dư các quỹ theo quy định.

ĐVT: nghìn đồng

STT	Nội dung quỹ	Số dư năm 2024	Số dư năm 2025
1	Ngân sách nhà nước	60.000	0
2	Học phí	121.472	54.112

**VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác**

1. Nâng cao chất lượng chuẩn, hóa đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

Ban lãnh đạo nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình và làm tốt trường tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho giáo viên.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 01 giáo viên tốt nghiệp Đại học SPMN, có 2 giáo viên 1 nhân viên đang học nâng chuẩn đại học.

## 2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện đến thời điểm hiện tại các kế hoạch đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội phụ nữ, đoàn thanh niên, mạnh thường quân và phụ huynh học sinh hỗ trợ.

## 4. Tăng cường ứng dụng CNTT

Nhà trường đang thực hiện chuyển đổi số cho công tác quản lý giáo dục.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung, nhà trường áp dụng tốt các phần mềm phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm tính khẩu phần ăn, phần mềm Misa...

Thực hiện tốt các ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo cập nhật thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định. Tiếp tục triển khai rà soát hoàn thiện cập nhật mã định danh của trẻ, hồ sơ trường, hồ sơ giáo

viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Nhà trường định hướng định hướng cho giáo viên ứng dụng các phần mềm biến các slide thuyết trình PowerPoint thành bài giảng điện tử trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ, GV áp dụng CNTT vào giảng dạy, sử dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến như Stem, Mon... vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

#### 5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cấp lãnh đạo nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc trẻ tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ qua bản tin tuyên truyền của trường lớp qua trang mạng xã hội trang Website, Zalo nhóm lớp...

#### *Nơi nhận:*

- Phòng VHXH xã Tân Thanh (báo cáo);
- Đăng trên trang Website trường;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Thị Minh Lành**